

Nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên năm nhất Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

*Đinh Thị Thu**

** Khoa Ngoại Ngữ, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh*

Received: 20/12/2022; Accepted: 23/12/2022; Published: 8/01/2023

Abstract: *Speaking is one of the most important skills that need to be focused and enhanced as it is an effective means of communication. Many first-year students of Vinh University of Technology Education find it difficult to fully express their thoughts in English. Being able to communicate fluently is an important goal of today's foreign language teachers.*

Keywords: *Solutions; speaking skill; motivations; attitudes; learning strategies.*

1. Đặt vấn đề

Nói là một trong những kỹ năng (KN) quan trọng nhất cần được chú trọng và nâng cao vì nó là phương tiện giao tiếp hiệu quả. Tuy nhiên, KN này cũng được xem là một trong những khía cạnh khó nhất của quá trình học ngôn ngữ. Nhiều sinh viên (SV) năm nhất trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật (ĐH SPKT) Vinh cảm thấy khó khăn khi muốn diễn đạt hoàn chỉnh những suy nghĩ của mình bằng tiếng Anh, thậm chí họ còn cảm thấy sợ khi phải giao tiếp bằng tiếng Anh mặc dù họ học ngôn ngữ này liên tục trong nhiều năm liền ở cấp 3. Vì thế, làm thế nào để nâng cao khả năng nói cho SV giúp họ có thể giao tiếp thành thạo là mục tiêu quan trọng của giảng viên (GV) giảng dạy ngoại ngữ hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm về kỹ năng nói

Các học giả có những khái niệm khác nhau về kỹ năng nói (KNN). Theo By gate (2018), KNN là một trong những KN mang tính phân xạ, giúp người học sử dụng được ngoại ngữ để bày tỏ ý kiến, quan điểm, suy nghĩ và cảm xúc với người đối diện, người nghe. Richards (2006) nói rằng nói là “việc sử dụng ngôn ngữ tự nhiên xảy ra khi một người nói có tương tác và duy trì giao tiếp liên tục bất chấp những hạn chế trong khả năng giao tiếp của họ”.

2.2. Tầm quan trọng của KNN tiếng Anh

Như một KN sản sinh ngôn ngữ, nói được coi như là KN quan trọng để làm chủ ngôn ngữ trong giao tiếp. Theo Baker và Westrup (2003), những người học nói tiếng Anh rất tốt có thể có nhiều cơ hội học tập tốt hơn, tìm được việc làm tốt và được thăng tiến. Theo nghiên cứu của Hoàng Tuệ và Trần Duyên (2019), hơn 50% nhà tuyển dụng cho rằng nói nên được luyện tập nhiều hơn. Điều đó có nghĩa là KNN có tầm quan trọng lớn, Như vậy, có thể khẳng định rằng, chính

KNN giúp ngôn ngữ tiếng Anh thực hiện được chức năng giao tiếp của chính mình. Hơn thế nữa, KNN cũng góp phần củng cố thêm KN nghe của người học, giúp tăng cường vốn từ vựng và luyện tập các kĩ năng có liên quan. Chính vì vậy, SV năm nhất nói chung và trường ĐH SPKT Vinh nói riêng khi học tiếng Anh đều mong muốn được học tập và thực hành nhiều để nâng cao KNN, giúp ích cho việc học tập và làm việc trong tương lai.

2.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến KNN của SV năm nhất trường ĐH SPKT Vinh

2.3.1. Động cơ học tập

Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về khái niệm động cơ, theo Harmer (1991), động cơ là sự nỗ lực nội tại khuyến khích một người theo đuổi một tiến trình hành động. Nếu chúng ta nhận thấy được một mục tiêu nào đó và nếu mục tiêu đó đủ sức hấp dẫn, chúng ta sẽ có động cơ thúc đẩy để đạt được mục tiêu đó. Xét về động cơ học tập của người học, Cole và Chan (1994) đề cập đến hai động cơ chính: động cơ bên ngoài (extrinsic motivation) và động cơ bên trong (intrinsic motivation). Động cơ bên ngoài liên quan đến những yếu tố bên ngoài lớp học. Những yếu tố bên ngoài lớp học chính là sức lôi cuốn, hấp dẫn của nền văn hoá của cộng đồng sử dụng ngôn ngữ đó. Người học mong muốn tìm hiểu nền văn hoá đó và hội nhập vào nền văn hoá đó. Những yếu tố bên ngoài lớp học còn là nhu cầu sử dụng ngoại ngữ như ngôn ngữ thứ hai để đạt được một mục tiêu nào đó như xin việc làm, tăng lương, thăng tiến, ... Ngược lại với động cơ bên ngoài, động cơ bên trong liên quan đến những yếu tố bên trong lớp học. Theo Cole và Chan (1994), động cơ này đóng một vai trò quan trọng trong việc quyết định thái độ học tập của SV. Một SV không có động cơ bên ngoài vẫn có thể có một thái độ học tập tích cực và đạt kết quả tốt trong học tập. Động cơ bên trong bị

ảnh hưởng bởi bốn yếu tố chính: một là điều kiện vật chất của lớp học, trang thiết bị dạy và học, môi trường xung quanh và quy mô lớp học; hai là phương pháp giảng dạy, một yếu tố quyết định đối với sự yêu thích môn học của SV; ba là tính cách, kiến thức và sự nhiệt tình của giáo viên, những yếu tố tạo nên sự lôi cuốn đối với SV; bốn là sự thành bại của bản thân SV trong học tập.

2.3.2. Thái độ học tập

Một yếu tố ảnh hưởng sâu sắc đến sự thành đạt của người học đó là thái độ của chính người học. Gardner và Lambert (1972) định nghĩa thái độ là sự bền bỉ mà người học thể hiện để theo đuổi một mục tiêu. Trong khi đó theo Brown (1980), thái độ là niềm tin của người học đối với cộng đồng sử dụng ngôn ngữ đó và nền văn hoá của họ. Thái độ học tập có mối liên hệ mật thiết đối với động cơ học tập. Thái độ đối với việc học ngoại ngữ là một yếu tố thúc đẩy người học cố gắng hết sức mình để đạt được mục đích. Ngược lại, động cơ ảnh hưởng đến thái độ của người học. Những người học có động cơ bên ngoài hoặc bên trong sẽ có thái độ học tập tích cực hơn những người không có động cơ hay những người xem việc học là nhiệm vụ bắt buộc. Nhiều SV năm nhất trường ĐH SPKT Vinh học tiếng Anh với tâm lý bị ép buộc; không thoải mái. Họ học tiếng Anh bởi vì đây là một môn học bắt buộc trong chương trình. Chính vì chưa có động cơ học tập đúng đắn nên nhiều SV Đại học SPKT Vinh có thái độ học “đôi phó”: sử dụng những đáp án có sẵn từ giáo trình hay từ vở mượn của các lớp học trước; trong giờ học thường không chú ý nghe giảng, không hợp tác với bạn cùng cặp, cùng nhóm và khi được yêu cầu thực hiện một hoạt động nào đó thì lại “cầu cứu” bạn hoặc yêu cầu sự giúp đỡ từ phía GV... Đôi khi nhiều SV còn tỏ thái độ “bất hợp tác”: không chuẩn bị bài trước, không tham gia vào các hoạt động giao tiếp tại lớp; hay tìm lý do để nghỉ học hoặc đi học muộn

2.3.3. Chiến lược học

Theo Oxford (1990), chiến lược học là những hành động cụ thể mà người học thực hiện để việc học của họ dễ dàng hơn, nhanh chóng hơn, đầy hứng thú hơn, hiệu quả hơn và có thể dễ dàng thích ứng với tình huống mới hơn. Theo O'Mally và Chamot (1990), chiến lược học có hiệu quả bao gồm việc lên kế hoạch học tập, giám sát việc học và đánh giá công việc đã làm. Chiến lược học còn bao gồm việc nhận thức được các cách xử lý việc học như là viết ghi chú, sử dụng từ điển và các nguồn khác. Đó còn là sự tương tác với bạn cùng nhóm, cùng cặp hay cùng lớp trong các hoạt động giao tiếp tại lớp. Một SV muốn đạt kết quả

cao trong học tập không chỉ có động cơ học tập đúng đắn và thái độ học tập tích cực mà còn phải có chiến lược học đúng. Đây chính là lý do vì sao nhiều SV yêu thích tiếng Anh, đầu tư nhiều thời gian cho việc học tiếng Anh nhưng vẫn không đạt được kết quả như mong muốn, có thể do các nguyên nhân:

- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp: Đa số SV chỉ tập trung vào nghĩa của từ vựng và cách viết từ, không chú trọng tới phần phát âm, cấu trúc. Ngoài ra, họ chưa có thói quen chuẩn bị các ý tưởng cho các tình huống cũng như các chủ đề nói, vì vậy khi SV tham gia các hoạt động nói trên lớp đã không thể đáp ứng được ngay các yêu cầu của GV và hiệu quả thực hành không cao.

- Học từ vựng: SV thường có thói quen thuộc từ theo kiểu đơn lẻ, đọc và viết đi viết lại nhiều lần để nhớ từ chứ không có thói quen hoặc không biết đặt vào trong ngữ cảnh cụ thể hay học cách kết hợp với các từ khác. Cách học này mất khá nhiều thời gian mà hiệu quả nhớ từ rất hạn chế. Mặt khác, SV lại không biết cách sử dụng từ cũng như sắp xếp từ theo một trật tự logic như theo ngữ pháp.

- Hoạt động nói trên lớp: SV nhận chủ đề/ tình huống, sau đó thảo luận theo cặp, nhóm hay cá nhân để đưa ra ý tưởng. Thông thường các em hay tư duy bằng tiếng Việt rồi chuyển dịch ý tưởng đó sang tiếng Anh, viết lại ra giấy. Khi GV yêu cầu trình bày, SV nhìn vào giấy để nói (nghe như đọc chứ không giống đang nói) mà thiếu đi sự tự nhiên, độ lưu loát và trôi chảy. Vì thế, SV không chỉ nói kém mà còn ảnh hưởng đến thời gian học của cả lớp, theo đó, vô hình chung các SV khác trong lớp sẽ không có cơ hội để trình bày phần của mình. Rõ ràng là, động cơ, thái độ và chiến lược học có mối quan hệ rất mật thiết với nhau và có tác động lớn đến quá trình học nói chung và quá trình rèn luyện KNN của SV. Khi SV có động cơ học tập đúng đắn, chắc chắn họ sẽ có thái độ học tập tích cực, nếu không sẽ ngược lại.

2.4. Một số giải pháp nâng cao KNN cho SV năm nhất trường ĐH SPKT Vinh

2.4.1. Phân loại trình độ đầu vào của SV

Việc phân loại trình độ đầu vào cho SV là rất cần thiết. Điều này giúp GV có thể thiết kế bài giảng trọng tâm hơn, tổ chức các hoạt động ngôn ngữ được tốt hơn. Bản thân SV với cùng trình độ sẽ có tâm lý học tập trung hơn, dễ dàng chia sẻ, trao đổi kiến thức, thực hành ngôn ngữ một cách nhiệt tình hơn. Điều này giúp giờ học tiếng Anh đạt hiệu quả cao.

Trong điều kiện hiện tại của trường Đại học SPKT Vinh thì việc đảm bảo các lớp học phân tiếng Anh với

sĩ số từ 20-25 SV là hợp lí. Với sĩ số lớp học trung bình 20-25 SV, GV có thể quản lí và tổ chức các hoạt động lớp học hiệu quả. Do vậy, SV có cơ hội thực hành giao tiếp, tham gia các dạng bài tập luyện nói trên lớp, GV nắm bắt, hiểu rõ trình độ, tâm lí của SV phát triển qua từng tiết học để có phương pháp giảng dạy phù hợp cho mỗi SV. Đặc biệt với giờ học tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp đòi hỏi SV phải tham gia tích cực, lĩnh hội không những kiến thức về chuyên ngành của mình, mà còn phải hiểu những kiến thức đó bằng ngôn ngữ tiếng Anh, tham gia các hoạt động giao tiếp với những thuật ngữ chuyên ngành, thì phương pháp này thực sự tạo điều kiện cho SV tập trung, chủ động phát triển giao tiếp ngôn ngữ tiếng Anh.

2.4.2. Đối với giáo viên

Quan tâm nhiều hơn nữa đến động cơ, thái độ và chiến lược học của SV; giúp SV nhận thức đúng sự cần thiết của tiếng Anh để từ đó xác định được động cơ, thái độ học tập tích cực, đề ra cho mình chiến lược học tập có hiệu quả. Hướng dẫn, tư vấn cho SV những cách học hiệu quả giúp SV cảm thấy yêu thích và hứng thú hơn trong việc học tiếng Anh (cách soạn bài, cách học từ vựng, ngữ pháp, vận dụng từ mới vào tình huống cụ thể, học cách luyện phát âm đúng, cách sử dụng cấu trúc, sắp xếp từ, sắp xếp ý tưởng, tư duy bằng tiếng Anh...). Không nên gây áp lực học đối với những SV học lực yếu, SV lười học. Thay vào đó là tạo cho các SV đó có môi trường học tập thoải mái; động viên, khuyến khích để SV tự giác trong học tập và tham gia vào các hoạt động nói. Thiết kế nhiều loại hình hoạt động khác nhau theo mức độ khó tăng dần và phù hợp với từng nhóm SV. Có chế độ thưởng phạt rõ ràng và công bằng để các SV có căn cứ tự đánh giá mức độ cố gắng và sự tiến bộ của bản thân, tạo cho các SV có quyết tâm cao trong học tập. Đánh giá đúng thực lực của SV để từ đó đưa ra yêu cầu, lời khuyên phù hợp vì nếu yêu cầu quá thấp đối với SV khá, giỏi sẽ khiến cho SV cảm thấy nhàm chán và sẽ không có ý chí phấn đấu vươn lên nữa; còn yêu cầu quá cao đối với SV yếu sẽ đánh mất sự tự tin của SV, làm giảm sút sự hứng thú của SV. Khuyến khích SV tăng cường sử dụng tiếng Anh khi đến lớp, hạn chế việc sử dụng tiếng Việt trong giờ học; hạn chế viết trong những giờ thực hành nói. Tạo cho SV có được sự tự tin, thoải mái trong giao tiếp: không nên đặt nặng vấn đề phải nói đúng ngữ pháp vì điều đó sẽ khiến cho các SV cảm thấy e ngại, sợ sai mà không dám nói. Thay vào đó, khuyến khích SV cố gắng diễn đạt ý tưởng, diễn đạt những gì mình muốn nói bằng tiếng Anh.

2.4.3. Đối với SV

Cần xác định cho mình một động cơ, thái độ học

tập nghiêm túc, đúng đắn, đề ra một chiến lược học tập sao cho phù hợp và có hiệu quả nhất nhằm nâng cao chất lượng học. Nên thay đổi lại phương pháp học tiếng Anh cho phù hợp với yêu cầu mới. Tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp; tận dụng tối đa thời gian ở lớp để thực hành giao tiếp với các bạn cùng lớp, hạn chế các hoạt động viết (chỉ viết những gì thực sự cần thiết). Luôn tìm mọi cơ hội để có thể giao tiếp với bạn bè bằng tiếng Anh để mọi nơi, mọi lúc chứ không phải chỉ thực hiện trong giờ học tiếng Anh để tạo phản ứng nhanh nhạy. Cần tạo cho mình thói quen tư duy bằng tiếng Anh, hạn chế việc chuyển đổi ý tưởng từ tiếng Việt sang tiếng Anh. Luyện tập phát âm chuẩn, nói lưu loát. Đây chính là một trong những yếu tố quyết định sự tự tin của người học.

2.4.4. Đối với nhà trường

Quan tâm nhiều hơn nữa đến trang thiết bị dạy và học đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy. Thực hiện quy mô lớp nhỏ (20-25 SV/ lớp) để SV có nhiều cơ hội thực hành giao tiếp hơn nữa. Thực hiện chia lớp theo trình độ ngay từ học kì đầu tiên đến học kì cuối cùng để SV không có tâm lí e ngại khi nói trước công chúng. Thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu với đại diện các doanh nghiệp để SV có cơ hội tìm hiểu yêu cầu của nhà tuyển dụng từ đó giúp SV định hướng được việc học của mình.

3. Kết luận

Nâng cao KNN tiếng Anh của SV năm nhất trường ĐH SPKT Vinh là một công việc không hề đơn giản. Chúng ta cần phải có thời gian để thay đổi một thói quen học ngoại ngữ đã trở nên lỗi thời, không còn phù hợp trong tình hình và bối cảnh mới. Hơn nữa, để có được một KN hoàn hảo còn đòi hỏi phải có đủ lượng thời gian thực hành, phải có sự hợp tác chặt chẽ giữa người dạy và người học. Điều quan trọng hơn nữa là chính động cơ, thái độ và chiến lược học tập của bản thân người học tạo nên sự thành công đó.

Tài liệu tham khảo

1. Baker, J., & Westrup, H. (2003), *Essential Speaking Skills: A Handbook for English Language Teachers*. London: Continuum.
2. Brown, H.D. (1994), *Principles of Language Learning and Teaching, Englewood Cliffs, New Jersey*: Prentice Hall, 1980.
3. Bygate (2018), *Speaking*, Oxford University Press.
4. Cole P. G. & Chan L. (1994), *Teaching Principles and Practice*, Prentice Hall of Australia Pty Ltd.
5. Gardner, R., Lambert W. (1972), “*Attitudes and Motivation in Second Language Learning*”. Newbury House Publishers, Inc.